

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Trọng Lam và bà Phan Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 38/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thanh T – sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn Quang Hưng, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt;

Bị đơn: Huỳnh Thị Hồng T – sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn Đại Phú, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thanh T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Hòa Quang Nam (nay là xã Phú Hòa 2) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2025, theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhưng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, cãi vã. Khi cãi vã bị đơn nhiều lần có hành vi bỏ nhà đi, không thông báo cho bị đơn nơi ở cũng như có quan hệ không rõ ràng với nhiều người đàn ông khác dẫn đến giữa vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân, không còn sống chung và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay nguyên đơn nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, tình cảm không còn, không thể đoàn tụ nên xin ly hôn bị đơn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại văn bản trình bày ý kiến về tình trạng hôn nhân do nguyên đơn cung cấp, được chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú xác nhận có nội dung như nguyên đơn trình bày.

Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk đã triệu tập hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn.

[2] Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đại Phú, xã Phú Hòa 2, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn trình bày lý do xin ly hôn là do bị đơn và nguyên đơn tính tình không hợp nên xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, bị đơn không có thiện chí hàn gắn mà nhiều lần bỏ đi nên nguyên đơn nhận thấy bị đơn không còn tình cảm với nguyên đơn, do đó xin ly hôn. Lời trình bày của nguyên đơn, phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và quá trình thẩm tra tại phiên tòa nên đủ căn cứ để xác định nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu của mình là đúng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn không có con chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình. Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thanh T được ly hôn bị đơn Huỳnh Thị Hồng T.

Về con chung: Không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001560 ngày 05/02/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk;
- THSDS 13-Đắk Lắk;
- UBND xã Phú Hòa 2 (GCNKH số 08);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Vĩnh Phúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Tấn Nghị

Phan Thị Liên

Trần Thị Vĩnh Phúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Chi cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND phường Hòa Hiệp Trung, Tx. Đông Hòa
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Vĩnh Phúc

